TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 31 - 8 - 2017
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Bà Từ Kim Phượng
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2017/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 138/2017/HNGĐ-ST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186 /2017/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Viết H- sinh năm 1979 (có mặt). Địa chỉ: Số 276G, Nguyễn Mai, khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị Tr- sinh năm 1981 (có mặt). Địa chỉ: Ấp Th, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị E- sinh năm 1939 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Hồ Hoàng Ph– sinh năm 1978 (vắng mặt). Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là anh Nguyễn Viết H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Viết Htrình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Viết Hvà chị Trịnh Thị Trtổ chức đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên anh Hyêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh H, chị Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Viết Hoàng H, sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 30/3/2006. Khi ly hôn anh Hyêu cầu nuôi cả 02 người con chung. Không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tiết kiệm được số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này anh Hsử dụng vào việc mua đất, xây nhà. Khi ly hôn, anh Hyêu cầu nhận nhà, đất và chịu trách nhiệm trả lại cho chị Tr số tiền 100.000.000 đồng.

Về tài sản riêng:

- Anh Hxác định quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Viết Hvà Trịnh Thị Trtọa lạc tại phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34, do Ủy ban nhân dân thành phố Ccấp ngày 06/7/2011. Trên đất có 01 căn nhà do vợ chồng xây dựng để ở. Hiện đất có giá trị là 200.000.000 đồng, nhà có giá trị là 400.000.000 đồng.

- 01 xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 do anh Hđứng tên sở hữu. Hiện giá trị còn lại của xe là 50.000.000 đồng, anh Hđang quản lý sử dụng.

- 01 xe hiệu AIRBLADE biển số 69F1- 183.79 do anh Hđứng tên sở hữu.

Các tài sản trên là tài sản riêng của anh H. Anh Hkhông đồng ý chia đôi với chị Tr. Anh Hchỉ đồng ý trả cho chị Tr số tiền 100.000.000 đồng là tài sản chung của hai vợ chồng. Ngoài ra anh H, chị Tr còn các tài sản, vật dụng khác trong nhà, nhưng anh Hxác định vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nợ riêng: Nợ anh Hồ Hoàng Phsố tiền 70.000.000 đồng, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 và 01 chiếc xe hiệu AIR BLADE, biển số 69F1- 183.79. Hiện 02 chiếc xe nói trên do anh Hđang quản lý, sử dụng. Anh Htự nguyện nhận đây là nợ riêng của anh Hvà anh Htự thỏa thuận với anh Phương, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hxác định nguồn tiền để mua đất, xây nhà là do vợ chồng dành dụm, tiết kiệm mà có là 200.000.000 đồng, cộng với số tiền 400.000.000 đồng của mẹ ruột anh Hlà bà Trần Thị Etặng cho riêng anh H. Số tiền để mua xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 và xe hiệu AIR BLADE, biển số 69F1- 183.79 là do vợ chồng dành dụm tiết kiệm mà có.

Bị đơn chị Trịnh Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Htổ chức đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, anh chị đã ly thân khoảng 06 tháng nay và chị Tr không còn tình cảm với anh H. Nay anh Hyêu cầu ly hôn, chị Tr đồng ý.

Về con chung: Anh H, chị Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Viết Hoàng H, sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 30/3/2006. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được nuôi cháu Luyến, giao cháu Huy cho anh Hnuôi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Viết Hvà Trịnh Thị Trang. Đất tọa lạc tại phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34,

do Ủy ban nhân dân thành phố Ccấp ngày 06/7/2011. Trên đất vợ chồng đã xây dựng 01 căn nhà để vợ chồng ở. Chị Tr thống nhất hiện nay đất có giá trị là 200.000.000 đồng. Nhà có giá trị là 400.000.000 đồng.

- 01 xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 do anh Hđứng tên sở hữu. Hiện giá trị còn lại của xe là 50.000.000 đồng.

- 01 xe hiệu AIR BLADE, biển số 69F1- 183.79 do anh Hđứng tên sở hữu. Hiện giá trị còn lại của xe là 25.000.000 đồng.

Chị Tr xác định nguồn tiền để mua đất, xây nhà là do vợ chồng dành dụm, tiết kiệm mà có là 200.000.000 đồng, cộng với số tiền 400.000.000 đồng của mẹ ruột anh Htặng cho riêng anh H. Số tiền để mua xe hiệu SH biển số 69F1- 12366 và xe hiệu AIR BLADE, biển số 69F1- 183.79 là do vợ chồng dành dụm tiết kiệm mà có.

Khi ly hôn chị Tr yêu cầu chia đôi các tài sản là nhà, đất và xe SH để chị Tr và anh Hmỗi người một nửa. Yêu cầu anh Hnhận hiện vật, chị Tr nhận giá trị. Không yêu cầu chia tài sản là xe hiệu AIR BLADE, biển số 69F1- 183.79.

Ngoài ra chị Tr khai còn các tài sản, vật dụng khác trong nhà, nhưng chị Tr xác định vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị E(mẹ anh H) trình bày: Khoảng năm 2011 bà Én có họp gia đình, nội dung là cho anh Nguyễn Viết Hsố tiền 400.000.000 đồng. Nay vợ chồng H, Trly hôn bà không đặt ra yêu cầu đối với số tiền 400.000.000 đồng. Bà Én xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Hoàng Phtrình bày: Anh Nguyễn Viết Hcó thế chấp cho anh Ph01 chiếc xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 và 01 chiếc xe hiệu AIR BLADE, biển số 69F1- 183.79. Giá trị thế chấp là 70.000.000 đồng. Nay anh Phkhông có yêu cầu về nợ trong vụ án ly hôn của anh Hvà chị Tr. Đồng thời anh Phtừ chối tham gia tố tụng.

T*ại bản án dân sự sơ thẩm số 138/2017/DS-ST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cquyết định:*

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Viết Hvà chị Trịnh Thị Trlà vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Viết Hoàng H, sinh ngày 23/11/2003 cho anh Nguyễn Viết Htrông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Kim L, sinh ngày 30/2/2006 cho chị Trịnh Thị Trtrông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Viết Hvà chị Trịnh Thị Trcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Viết Htiếp tục quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Viết H, Trịnh Thị Trang. Đất tọa lạc tại phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34, do Ủy ban nhân dân thành phố Ccấp ngày 06/7/2011. (Kèm theo biên bản đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, ngày 27/02/2017 và bản trích đo

hiện trạng). Anh Hcó trách nhiệm hoàn lại cho chị Tr phần tài sản chị Tr được hưởng có giá trị bằng tiền là 240.000.000 đồng.

Anh Hcó quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Giao cho anh Nguyễn Viết Htiếp tục quản lý, sử dụng 01 xe hiệu SH biển số 69F1- 12366. Anh Hcó trách nhiệm hoàn lại cho chị Tr phần tài sản chị Tr được hưởng có giá trị bằng tiền là 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh Nguyễn Viết Hphải hoàn lại cho chị Trịnh Thị Trlà 265.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2017 nguyên đơn là anh Nguyễn Viết Hcó đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần chia tài sản và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hvẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Viết Hđược thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Hvề phần chia tài sản: Hội đồng xét xử xét thấy, tài sản anh Hvà chị Tr thống nhất do anh chị có là 200.000.000 đồng và mẹ của anh Hlà bà Trần Thị Echo riêng anh H400.000.000 đồng. Tổng số tiền trên anh chị đã dùng để mua một phần đất đứng tên anh Nguyễn Viết Hvà Trịnh Thị Trang. Phần đất tọa lạc tại phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34, do Ủy ban nhân dân thành phố Ccấp ngày 06/7/2011. Trên đất anh chị đã xây dựng 01 căn nhà để vợ chồng cùng ở. Hiện nay anh, chị đều thống nhất xác định đất có giá trị là 200.000.000 đồng, nhà có giá trị là 400.000.000 đồng. Như vậy mặc dù số tiền 400.000.000 đồng bà Én cho riêng anh H, nhưng trong thời gian chung sống anh Hđã nhập chung vào khối tài sản chung của vợ chồng để anh chị mua đất, cất nhà và do anh chị đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2011. Như vậy xác định toàn bộ giá trị nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung. Lao động của vợ chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Do đó khi chia tài sản cấp sơ thẩm có xem xét công sức đóng góp của anh Hvào khối tài sản chung của vợ chồng là nhiều hơn nên đã chia cho anh H60% giá trị tài sản và chia cho chị Tr 40% giá trị tài sản. Anh Hđược tiếp tục quản lý và sử dụng nhà và đất, và thanh toán lại cho chị Tr bằng giá trị là phù hợp. Như vậy anh Hđược chia nhà và đất trị giá là 600.000.000 đồng, nên anh Hphải thanh toán cho chị Tr 40% giá trị bằng 240.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Đối với chiếc xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 anh, chị xác định giá trị 50.000.000 đồng hiện nay do anh Hđứng tên, anh Hcho đây là tài sản riêng của anh Hnhưng chiếc xe được mua trong thời kỳ hôn nhân, và tài sản này được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình. Hiên nay, anh Hkhông có căn cứ để chứng minh chiếc xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 là tài sản riêng của anh H, do đó chấp nhận đây là tài sản chung của vợ chồng nên chia đôi là phù hợp. Tuy nhiên chiếc xe hiện nay anh Hđang đứng tên, anh Hđang quản lý và sử dụng nên chị Tr thống nhất giao cho anh Htiếp tục sử dụng và yêu cầu nhận giá trị. Do đó cấp sơ thẩm giao chiếc xe hiệu SH biển số 69F1- 123.66 cho anh H, buộc anh Hgiao lại cho chị Tr 50% giá trị bằng 25.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Hvề phần án phí: Anh Hcho rằng anh không đồng ý nộp án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia. Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *"Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia"*.

Như vậy anh Hđược chia phần tài sản có giá trị là 385.000.000 đồng nên anh Hphải chịu 5% án phí có giá ngạch là 19.250.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc anh Hphải nộp là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hkhông có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Viết H.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C.

-Giao cho anh Nguyễn Viết Htiếp tục quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Viết H, Trịnh

Thị Trtọa lạc tại đường Nguyễn Mai, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34, do Ủy ban nhân dân thành phố Ccấp ngày 06/7/2011. (Kèm theo Biên bản trích đo hiện trạng ngày 03/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

Anh Hcó trách nhiệm hoàn lại cho chị Tr phần giá trị tài sản là đất và nhà là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Anh Hcó quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Giao cho anh Nguyễn Viết Hđược sở hữu 01 xe hiệu SH biển số 69F1-123.66 hiện nay do anh Hđang quản lý.

Anh Hcó trách nhiệm hoàn lại cho chị Tr phần giá trị tài sản là chiếc xe là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tổng số tiền anh Nguyễn Viết Hphải hoàn lại cho chị Trịnh Thị Trlà 265.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Trịnh Thị Trcó đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Viết Hkhông thi hành xong khoản tiền trên, thì anh Hcòn phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Nguyễn Viết Hphải chịu là 19.250.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chị Trịnh Thị Trphải chịu là 13.250.000 đồng. Ngày 10/02/2017, chị Tr có tạm ứng án phí số tiền 9.357.000 đồng theo biên lai thu số 0002554 được đối trừ, chị Tr còn phải nộp tiếp số tiền 3.893.000 đồng (Ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hphải nộp 300.000 đồng, đã qua anh Hdự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003373 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan